

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:62/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30 -3 - 2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Duy Bảo

Ông Trần Ngọc Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 299/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đậu Xuân T1, sinh năm 1994; HKTT trước khi xuất cảnh: Xóm T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Hiện cư trú tại Trung Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai chị Hoàng Thị T trình bày: Chị T và A Đậu Xuân T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký ngày 04/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn hai người đi làm ăn tại miền nam. Năm 2016, hai vợ chồng về sống tại gia đình chị T ở Hưng Yên được một thời gian thì cùng đi xuất khẩu lao động tại Nga. Sau khi sang Nga được 2 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh T1 về Việt Nam. Năm 2020 anh T1 đi làm ăn tại Trung Quốc. Đến tháng 6/2022 chị T cũng về Việt Nam. Tuy nhiên, do ở xa nhau nên hai vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau. Nay xác định, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị **Thương yêu c** Tòa án giải quyết cho ly hôn anh **Đậu Xuân T1**.

- Về con chung: Chị **Hoàng Thị T** và anh **Đậu Xuân T1** không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung; nợ chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là anh **Đậu Xuân T1***: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh **Đậu Xuân T1** vắng mặt. Chị **Hoàng Thị T** không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh **T1** cư trú, chị chỉ biết hiện nay anh **T1** đang sinh sống tại Trung Quốc. Tòa án đã hai lần gửi văn bản yêu cầu ông **Đậu Xuân D** (là bố đẻ của anh **T1**), trú tại: **Xóm T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An** cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cũng như yêu cầu ông thông báo với anh **T1** để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, tại đơn trình bày ông **D** cho biết thời gian ở nước ngoài, anh **T1** thường xuyên liên lạc về với ông qua điện thoại còn địa chỉ cụ thể của anh **T1** thì anh **T1** không cung cấp nên ông không biết. Ông đã thông báo cho anh **T1** biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị **T** và anh **T1**, thông qua ông thì anh **T1** cũng đồng ý ly hôn với chị **T**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị T**; cho ly hôn giữa chị **T** và anh **T1**; tài sản chung chưa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Hoàng Thị T** hiện cư trú tại Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Đậu Xuân T1** hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh **T1** có địa chỉ cư trú tại **huyện D, tỉnh Nghệ An** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh **Đậu Xuân T1** hiện đang ở nước ngoài, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, theo ông **Đậu Xuân D** xác định thì anh **Đậu Xuân T1** hiện đang cư trú tại Trung Quốc. Do đó, việc anh **Đậu Xuân T1** vắng

mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Đối với chị **Hoàng Thị T** đã có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, mặc dù vắng mặt, nhưng chị **Hoàng Thị T** vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu ly hôn anh **Đậu Xuân T1**. Xét thấy, chị **Hoàng Thị T** và anh **Đậu Xuân T1** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên xung đột. Sau khi anh **T1** về Việt Nam rồi sang Trung Quốc làm ăn thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng càng trầm trọng, hai người cắt đứt mọi liên lạc, không quan tâm gì đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay chị **Hoàng Thị T** xác định, tình cảm vợ chồng không còn; mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị **Hoàng Thị T** được ly hôn Anh **Đậu Xuân T1**.

Về con chung: Chị **Hoàng Thị T** và anh **Đậu Xuân T1** không có con chung.

Tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Hiện tại chị **T** chưa yêu cầu giải quyết và Anh **Đậu Xuân T1** cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa có cơ sở để xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị **Hoàng Thị T** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 3 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Hoàng Thị T** và anh **Đậu Xuân T1**.
2. Về con chung: Chị **Hoàng Thị T** và anh **Đậu Xuân T1** không có con chung.
3. Về tài sản và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.
4. Về án phí: Chị **Hoàng Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0012866 ngày 07/11/2022.
5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Chị **Hoàng Thị T**, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm.

5.2. Anh **Đậu Xuân T1** đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Dân, h. Kim Động;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Sơn